TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG XƯƠNG** **TỈNH THANH HÓA** Số: 139/2019/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Quảng Xương, ngày 30 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 150/2019/TLST/HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh Lê Duy B – Sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện X, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Chị Lê Thị L- Sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện X, tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 điều 6; điểm a khoản 1 điều 24; khoản 7 điều 26; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Tiểu mục 1.1 Mục 1 phần II danh mục án phí, lệ phí toà án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016)

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2019

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Duy B và chị Lê Thị L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Lê Duy B và chị Lê Thị L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh B và chị L có 02 con chung là Lê Duy Đ, sinh ngày 09/9/1995 và Lê Huyền A, sinh ngày 22/01/2003. Hiện nay cháu Lê Duy Đ đã thành niên nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng. Chị L có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lê Huyền A. Chị L không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh B có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản: Anh B và chị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Anh B chịu 150.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0001618 ngày 28/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá. Trả lại cho anh B 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Quảng Xương
- TA Tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã Ký)

Ngô Xuân Dũng